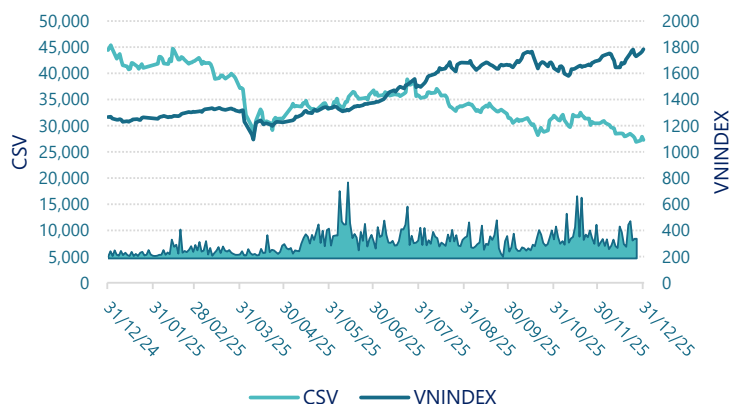


CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam (HSX: CSV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	45,381
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,900
SL cổ phiếu LH	110,499,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380,415
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,017
P/E	14.5
EPS	1,887

DT thuần

Q4/25

644

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 134 | 26.3%

YoY: ▲ 128 | 24.8%

LN sau thuế

Q4/25

41.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 19.1 | -31.8%

YoY: ▼ 14.1 | -25.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.8%

+/- YoY: ▼ 4.0%

DT thuần

2025

2,160

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 304 | 16.4%

LN sau thuế

2025

229

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 29.0 | -11.4%

ROE

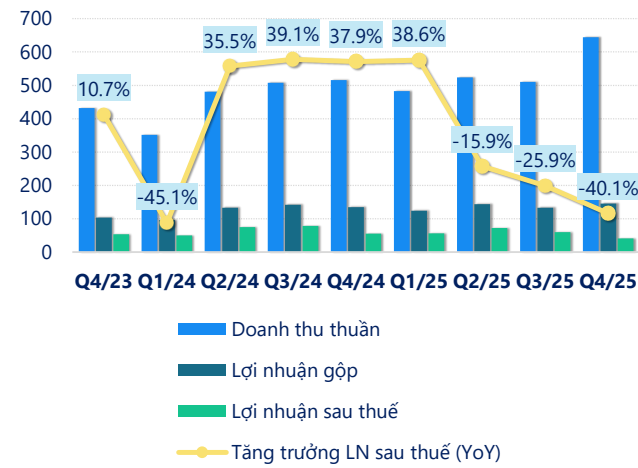
2025

13.1%

+/- YoY: ▼ 2.8%

tỷ VNĐ

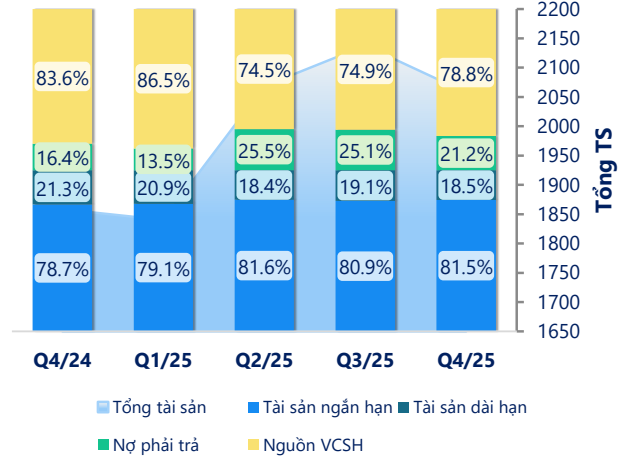
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

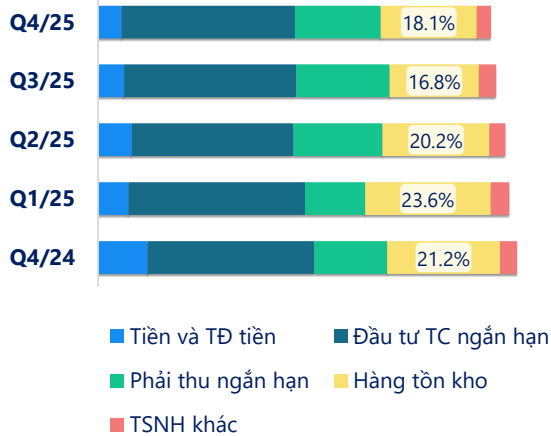
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



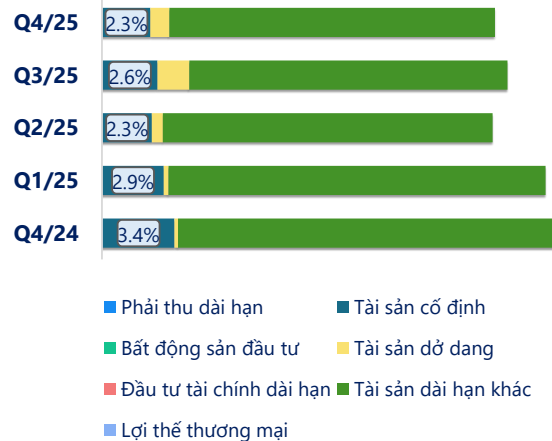
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

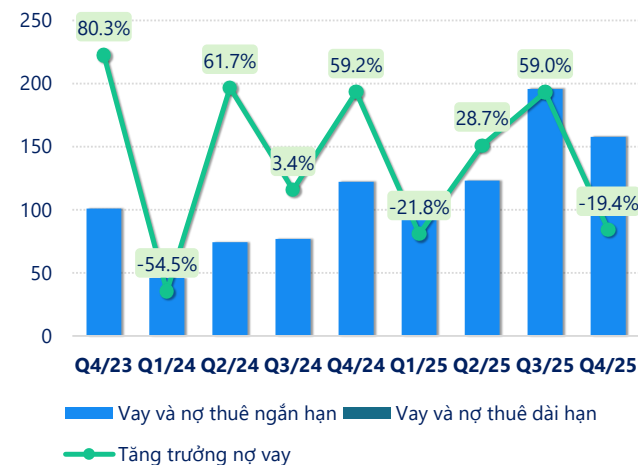
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

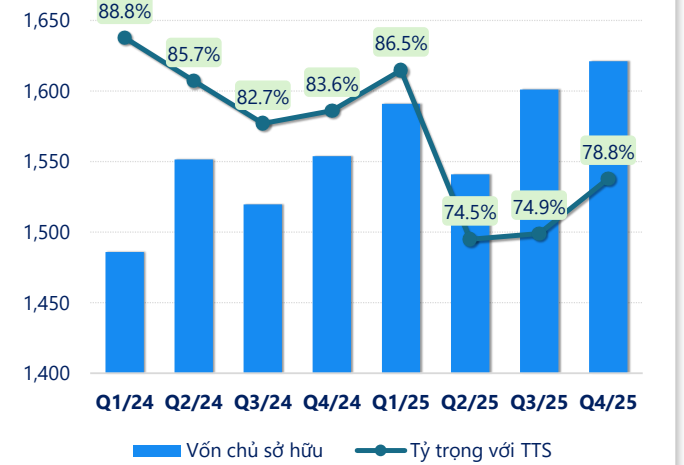
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

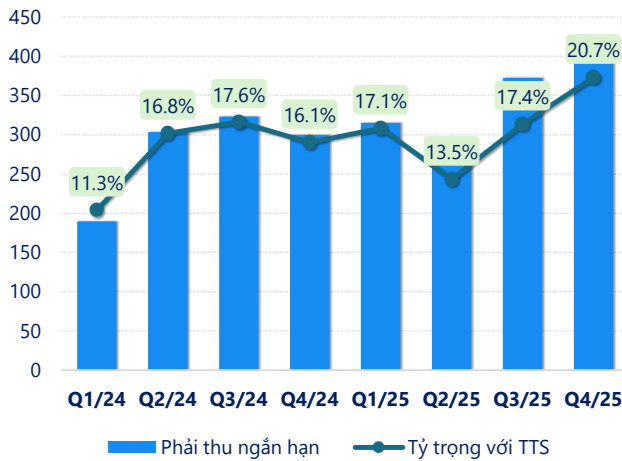
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



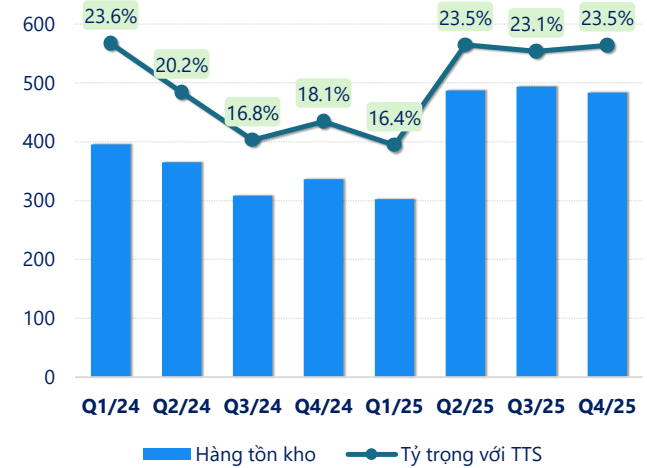
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


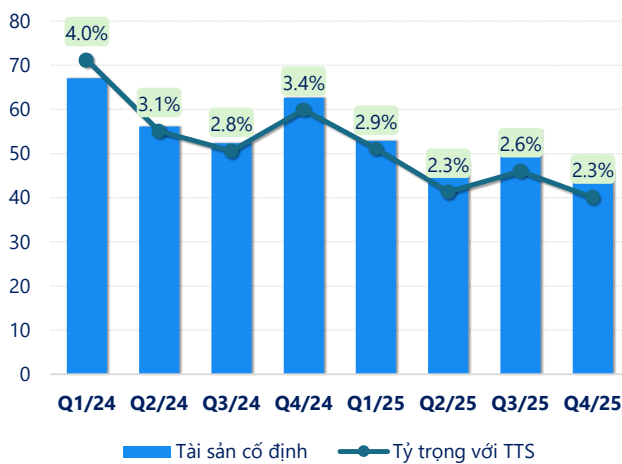
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


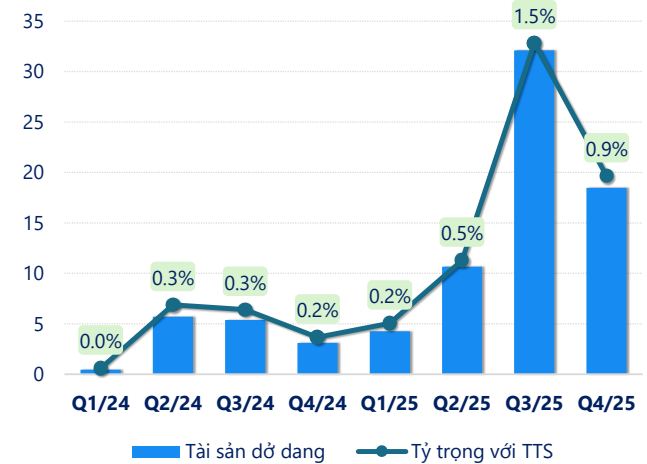
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

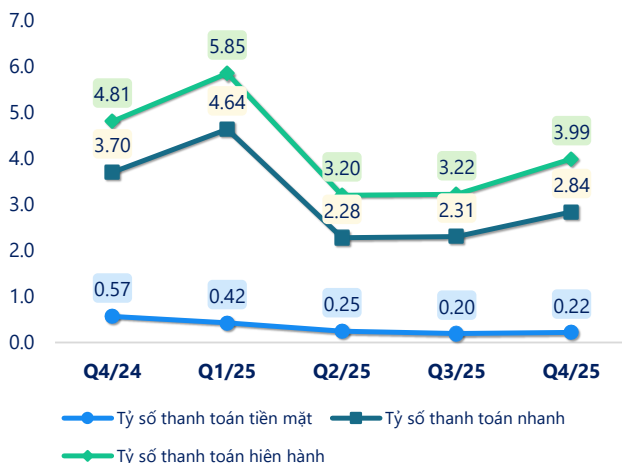
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,858	1,840	2,069	2,138	2,057
Tài sản ngắn hạn	1,463	1,456	1,689	1,730	1,677
Tiền và tương đương tiền	173	106	131	105	91.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	605	677	732	702	627
Phải thu ngắn hạn	300	315	279	372	426
Hàng tồn kho	336	302	487	493	483
Tài sản ngắn hạn khác	49.5	56.1	59.4	57.7	48.8
Tài sản dài hạn	395	384	380	408	380
Phải thu dài hạn	0.66	0.40	0.40	0.40	0.51
Tài sản cố định	62.7	52.9	48.2	55.3	46.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.12	4.25	10.7	32.1	18.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	329	326	321	320	315
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	304	249	528	537	436
Nợ ngắn hạn	304	249	528	537	421
Vay và nợ thuê ngắn hạn	122	95.6	123	196	158
Phải trả người bán ngắn hạn	22.9	41.6	122	37.4	100
Nợ dài hạn	0	0	0	0	15.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,554	1,591	1,541	1,601	1,621
Vốn chủ sở hữu	1,554	1,591	1,541	1,601	1,621
Vốn điều lệ	1,105	1,105	1,105	1,105	1,105
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)